

**THÔNG BÁO BỔ SUNG**  
**Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026**

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội;
- Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 953/QĐ/KHXXH ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Khoa học xã hội;
- Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-HVKHXXH ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội;
- Căn cứ Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 của Học viện Khoa học xã hội.

Học viện Khoa học xã hội thông báo bổ sung tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2026 như sau:

**I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH**

Các ngành tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ theo thông báo bổ sung này được cụ thể ở Bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1. Các ngành tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ trong thông báo bổ sung**

| TT | Ngành tuyển sinh              | Ngành đúng và ngành phù hợp I (không phải BSKT) | Ngành phù hợp II (phải học BSKT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ngành phù hợp khác với ngành tuyển sinh trình độ tiến sĩ |
|----|-------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1  | Chính trị học, mã số: 9310201 | Chính trị học                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ nghĩa xã hội khoa học;</li> <li>- Tôn giáo học;</li> <li>- Văn học; - Văn hóa học</li> <li>- Lịch sử Việt Nam; Lịch sử thế giới;</li> <li>- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam;</li> <li>- Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc;</li> <li>- Triết học;</li> <li>- Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước;</li> <li>- Hồ Chí Minh học;</li> <li>- Tâm lý học;</li> <li>- Xã hội học; Nhân học;</li> <li>- Quyền con người;</li> <li>- Kinh tế chính trị</li> <li>- Quan hệ quốc tế;</li> <li>- Giáo dục học; Quản lý giáo dục; Khoa học quản lý;</li> <li>- Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Luật;</li> <li>- Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;</li> <li>- Lý luận và lịch sử mỹ thuật;</li> <li>- Giáo dục chính trị;</li> <li>- Quản lý xã hội;</li> <li>- Dân tộc học; Phát triển bền vững; phát triển con người;</li> <li>- Quản lý nhà nước;</li> <li>- Kinh tế quốc tế;</li> <li>- Châu Á học; Việt Nam học</li> <li>- Đông phương học;</li> <li>- Trung Quốc học;</li> <li>- Nhật Bản học;</li> <li>- Đông Nam Á học;</li> <li>- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục chính trị.</li> </ul> |                                                          |

|   |                                 |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                             |
|---|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Luật kinh tế,<br>mã số: 9380107 | - Luật kinh tế;                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự;</li> <li>- Luật Quốc tế;</li> <li>- Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm;</li> <li>- Luật hình sự và tố tụng hình sự;</li> <li>- Luật dân sự và tố tụng dân sự;</li> <li>- Luật hiến pháp và luật hành chính;</li> <li>- Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;</li> <li>- Luật; Luật học;</li> <li>- Pháp luật về quyền con người;</li> <li>- Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           | <i>Đối với các ngành luật khác cần đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn về tính phù hợp trước khi xét tuyển</i> |
| 3 | Văn hóa học,<br>mã số: 9229040  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn hóa học;</li> <li>- Văn hóa dân gian;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý văn hóa; Ngôn ngữ học; Ngôn ngữ Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; Văn học; Văn học so sánh; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Văn học nước ngoài; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khảo cổ học.</li> <li>- Xã hội học, Nhân học, Dân tộc học, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người.</li> <li>- Quốc tế học; Châu Á học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Việt Nam học; Trung Quốc học; Nhật Bản học.</li> <li>- Mỹ thuật; Lý luận và lịch sử mỹ thuật; Mỹ thuật tạo hình; Mỹ thuật ứng dụng; Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng; Thiết kế công nghiệp;</li> </ul> |                                                                                                             |

|   |                              |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                              |                                                                                                                                                                                                                                           | <p>Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh.</p> <p>-Nghệ thuật trình diễn; Âm nhạc học; Nghệ thuật âm nhạc; Lý luận và lịch sử sân khấu; Nghệ thuật sân khấu; Lý luận và lịch sử, điện ảnh truyền hình; Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình.</p> <p>- Báo chí học; truyền thông đại chúng; Quan hệ công chúng.</p> <p>- Thông tin học, Khoa học thư viện; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản.</p> <p>- Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>-Di sản học (Ngành đào tạo thí điểm).</p>                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4 | Ngôn ngữ học, mã số: 9229020 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ học;</li> <li>- Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu;</li> <li>- Ngôn ngữ Việt Nam;</li> <li>- Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam;</li> <li>- Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ Anh;</li> <li>- Ngôn ngữ Nga;</li> <li>- Ngôn ngữ Pháp;</li> <li>- Ngôn ngữ Trung Quốc;</li> <li>- Ngôn ngữ Đức;</li> <li>- Ngôn ngữ Nhật;</li> <li>- Ngôn ngữ Hàn Quốc;</li> <li>- Văn học nước ngoài;</li> <li>- Lý luận văn học;</li> <li>- Hán Nôm;</li> <li>- Văn học Việt Nam;</li> <li>- Văn học dân gian;</li> <li>- Văn học;</li> <li>- Quốc tế học;</li> <li>- Châu Á học;</li> <li>- Đông Phương học;</li> <li>- Trung Quốc học;</li> <li>- Nhật Bản học;</li> <li>- Đông Nam Á học;</li> <li>- Báo chí học;</li> <li>- Truyền thông đại chúng;</li> <li>- Quan hệ công chúng;</li> <li>- Việt Nam học (có luận văn về Ngôn ngữ);</li> <li>- Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ).</li> </ul> | <p>Các nhóm ngành cần đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn về tính phù hợp trước khi xét tuyển:</p> <p>-Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (trong đó có các nhóm về Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ...).</p> <p><i>Đối với nhóm này, Học viện thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của ngành người dự tuyển với ngành tuyển</i></p> |

|   |                                        |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <i>sinh trình độ tiến sĩ</i>                                                                                             |
|---|----------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | Quản trị kinh doanh,<br>mã số: 9340101 | Quản trị kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Marketing;</li> <li>- Bất động sản;</li> <li>- Kinh doanh quốc tế;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Thương mại điện tử;</li> <li>- Kinh doanh thời trang và dệt may;</li> <li>- Khoa học quản lý;</li> <li>- Kinh tế học;</li> <li>- Kinh tế chính trị;</li> <li>- Kinh tế đầu tư;</li> <li>- Kinh tế phát triển;</li> <li>- Kinh tế quốc tế;</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp;</li> <li>- Thống kê kinh tế;</li> <li>- Quản lý kinh tế;</li> <li>- Tài chính-Ngân hàng;</li> <li>- Bảo hiểm;</li> <li>- Kế toán.</li> </ul> | (Trường hợp có bằng tốt nghiệp ngành khác thì yêu cầu phải có 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi) |
| 6 | Quản lý kinh tế,<br>mã số: 9340410     | Quản lý kinh tế     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế học;</li> <li>- Kinh tế chính trị;</li> <li>- Kinh tế phát triển;</li> <li>- Kế hoạch kinh tế;</li> <li>- Kinh tế đầu tư;</li> <li>- Kinh tế quốc tế;</li> <li>- Khoa học quản lý;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Tài chính-Ngân hàng;</li> <li>- Kế toán;</li> <li>- Quản trị nhân lực;</li> <li>- Quản trị kinh doanh;</li> <li>- Quản lý công;</li> <li>- Chính sách công;</li> <li>- Hệ thống thông tin quản lý;</li> <li>- Quản trị văn phòng; Quản lý KH&amp;CN.</li> </ul>                                | (Trường hợp có bằng tốt nghiệp ngành khác thì yêu cầu phải có 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi) |

## II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

### 1. Hình thức đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức theo hình thức chính quy.

### 2. Thời gian đào tạo

- Đối với người có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo là 03 năm tập trung.

- Đối với người có bằng đại học: Thời gian đào tạo là 04 năm tập trung.

Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó, trường hợp đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là học tập trung toàn thời gian.

### 3. Địa điểm tổ chức lớp học

Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức tại trụ sở chính của Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 dự kiến là 66 chỉ tiêu, được phân bổ cho các ngành như ở Bảng 2.

**Bảng 2. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến phân bổ cho các ngành**

| TT                | Ngành               | Số lượng  | Ghi chú |
|-------------------|---------------------|-----------|---------|
| 1                 | Chính trị học       | 10        |         |
| 2                 | Luật kinh tế        | 12        |         |
| 3                 | Văn hóa học         | 10        |         |
| 4                 | Ngôn ngữ học        | 10        |         |
| 5                 | Quản trị kinh doanh | 12        |         |
| 6                 | Quản lý kinh tế     | 12        |         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                     | <b>66</b> |         |

**Ghi chú:** Chỉ tiêu tuyển sinh chính thức đối với từng ngành được Hội đồng tuyển sinh trình độ tiến sĩ quyết định căn cứ vào số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực đào tạo của Học viện.

## III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

### a) Về văn bằng:

Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ thuộc ngành phù hợp I với ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp II với ngành đăng ký dự tuyển thì sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải học các học phần bổ sung kiến thức theo quy định.

Đối với văn bằng, bằng điểm trình độ đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, người dự tuyển phải nộp bản dịch tiếng Việt có công chứng kèm theo Văn bằng công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### b) Về kinh nghiệm nghiên cứu:

Có kinh nghiệm nghiên cứu, được thể hiện bằng một trong các minh chứng sau: luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu đối với trường hợp phát triển từ đề tài luận văn thạc sĩ; hoặc là tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố thuộc chuyên ngành đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên với tư cách là giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

### **c) Về bài luận và đề cương nghiên cứu:**

Có một bài luận về dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập toàn khóa kèm theo đề cương nghiên cứu theo mẫu của Học viện. Nội dung bài luận cần trình bày rõ ràng các vấn đề chủ yếu sau:

- Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
- Lý do lựa chọn đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
- Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài;
- Phương pháp nghiên cứu đề tài;
- Mục tiêu và định hướng phần đầu trong quá trình học tập, nghiên cứu;
- Lý do lựa chọn Học viện Khoa học xã hội là cơ sở đào tạo;
- Dự kiến kế hoạch học tập toàn khóa;
- Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết và sự chuẩn bị của người dự tuyển đối với lĩnh vực nghiên cứu;
- Dự kiến công việc sau khi tốt nghiệp;
- Đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có);
- Đề cương nghiên cứu.

(Mẫu Bài luận có trên trang thông tin điện tử của Học viện).

### **d) Về thư giới thiệu:**

Có ít nhất một thư giới thiệu do chuyên gia, nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu cần có những nội dung nhận xét, đánh giá sau:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và hạn chế của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên dự tuyển nghiên cứu sinh.

### **đ) Về năng lực ngoại ngữ:**

- Đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau đây:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học theo hình thức toàn thời gian bằng ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc);

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp, gồm: (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức, tiếng Nhật hoặc tiếng Hàn Quốc);

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Bảng sau còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển, hoặc chứng chỉ khác tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (Xem Bảng 3).

**Bảng 3. Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển theo quy định**

| STT | Ngôn ngữ         | Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận                              | Trình độ/Thang điểm                                                                                                        |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Anh        | TOEFL iBT                                              | Tối thiểu đạt 46 điểm                                                                                                      |
|     |                  | IELTS                                                  | Tối thiểu đạt 5.5 điểm                                                                                                     |
|     |                  | Cambridge Assessment English                           | B2 First/ B2 Business Vantage/Linguaskill<br>Thang điểm: Tối thiểu đạt 160 điểm                                            |
|     |                  | TOEIC (4 kỹ năng)                                      | Nghe: Tối thiểu đạt 400 điểm<br>Đọc: Tối thiểu đạt 385 điểm<br>Nói: Tối thiểu đạt 160 điểm<br>Viết: Tối thiểu đạt 150 điểm |
|     |                  | Aptis ESOL International Certificate                   | B2                                                                                                                         |
|     |                  | PEIC (Pearson English International Certificate)       | Level 3                                                                                                                    |
|     |                  | PTE Academic (Pearson Test of English Academic)        | Tối thiểu đạt 59 điểm                                                                                                      |
|     |                  | Oxford Test of English (Khung thang điểm OTE)          | Tối thiểu đạt 111 điểm                                                                                                     |
|     |                  | Oxford Test of English (Khung thang điểm OTE Advanced) | Tối thiểu đạt 111 điểm                                                                                                     |
|     |                  | LANGUAGECERT International ESOL                        | B2 Communicator                                                                                                            |
|     |                  | LANGUAGECERT Academic                                  | Tối thiểu đạt 60 điểm                                                                                                      |
| 2   | Tiếng Pháp       | CIEP/Alliance française diplomas                       | TCF B2 đạt tối thiểu 400 điểm<br>DELF B2 trở lên<br>Diplôme de Langue                                                      |
| 3   | Tiếng Đức        | Goethe - Institute                                     | Goethe - Zertifikat B2 trở lên                                                                                             |
|     |                  | The German TestDaF language certificate                | TestDaF level 4 (TDN4) trở lên                                                                                             |
| 4   | Tiếng Trung Quốc | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                    | HSK level 4 trở lên                                                                                                        |
| 5   | Tiếng Nhật       | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)              | N3 trở lên                                                                                                                 |
| 6   | Tiếng Nga        | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному         | ТРКИ-2 trở lên                                                                                                             |

|   |                               |                                                                          |               |
|---|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|
|   |                               | (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)                          |               |
| 7 | Các Ngôn ngữ tiếng nước ngoài | Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | Bậc 4 trở lên |

**Ghi chú:** Đối với các chứng chỉ khác thuộc một trong các ngôn ngữ nêu ở Bảng trên, nếu trong thời gian thu nhận hồ sơ dự tuyển mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định công nhận mức độ tương đương với bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện sẽ cập nhật và thông báo bổ sung.

Bảng 4 dưới đây cung cấp danh sách các cơ sở giáo dục - đào tạo đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ/bằng ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**Bảng 4. Danh sách các cơ sở đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

| TT | Cơ sở                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh                         |
| 2  | Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế                               |
| 3  | Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội                   |
| 4  | Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng                           |
| 5  | Đại học Thái Nguyên                                                  |
| 6  | Trường Đại học Cần Thơ                                               |
| 7  | Trường Đại học Hà Nội                                                |
| 8  | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                                        |
| 9  | Trường Đại học Vinh                                                  |
| 10 | Trường Đại học Sài Gòn                                               |
| 11 | Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh                       |
| 12 | Trường Đại học Trà Vinh                                              |
| 13 | Trường Đại học Văn Lang                                              |
| 14 | Trường Đại học Quy Nhơn                                              |
| 15 | Trường Đại học Tây Nguyên                                            |
| 16 | Học viện An ninh nhân dân                                            |
| 17 | Học viện Báo chí và Tuyên truyền                                     |
| 18 | Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh                     |
| 19 | Trường Đại học Thương mại                                            |
| 20 | Học viện Khoa học quân sự                                            |
| 21 | Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 22 | Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM |
| 23 | Học viện Cảnh sát nhân dân                                           |
| 24 | Đại học Bách Khoa Hà Nội                                             |
| 25 | Trường Đại học Nam Cần Thơ                                           |
| 26 | Trường Đại học Ngoại thương                                          |
| 27 | Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh                     |
| 28 | Trường Đại học Kinh tế quốc dân                                      |

| <b>TT</b> | <b>Cơ sở</b>                                 |
|-----------|----------------------------------------------|
| 29        | Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh |
| 30        | Trường Đại học Lạc Hồng                      |
| 31        | Trường Đại học Đồng Tháp                     |
| 32        | Trường Đại học Duy Tân                       |
| 33        | Trường Đại học Phenikaa                      |
| 34        | Học viện Ngân hàng                           |
| 35        | Trường Đại học Tài chính - Marketing         |
| 36        | Trường Đại học Thành Đông                    |
| 37        | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh      |
| 38        | Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng             |

- Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài:

Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

**e) Về hồ sơ và xác nhận thân nhân:**

Nộp đầy đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định. Đối với người đang công tác, hồ sơ dự tuyển phải được cơ quan quản lý nhân sự xác nhận. Đối với người chưa có việc làm, phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

**g) Về nghĩa vụ tài chính:**

Có cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Học viện, bao gồm việc nộp học phí và hoàn trả kinh phí cho cơ quan, đơn vị cử đi học hoặc hỗ trợ kinh phí đào tạo trong trường hợp không hoàn thành chương trình tiến sĩ theo quy định.

**h) Về sức khỏe:**

Có đủ sức khỏe để học tập và công tác.

**IV. HÌNH THỨC TUYỂN SINH**

Hình thức tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ là xét tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện trên cơ sở đánh giá toàn diện hồ sơ dự tuyển, bao gồm: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ, năng lực ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập toàn khóa; cùng với ý kiến nhận xét, đánh giá và mức độ ủng hộ của người giới thiệu đối với ứng viên.

**V. HỒ SƠ TUYỂN SINH**

**1. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm:**

- Đơn đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (đối với người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Sơ yếu lý lịch;

- Bản sao có chứng thực văn bằng, bảng điểm tốt nghiệp đại học và các chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);
- Bản sao có chứng thực bằng và bảng điểm thạc sĩ;
- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có);
- 08 bản sao các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, bao gồm: trang bìa, trang mục lục và toàn văn bài báo, báo cáo khoa học, kèm bảng kê danh mục ở trang sau bìa lót (nếu có); hoặc 08 bản sao minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu từ luận văn thạc sĩ đối với trường hợp phát triển hướng nghiên cứu từ đề tài luận văn thạc sĩ; hoặc minh chứng kinh nghiệm công tác 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên tại cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Đối với trường hợp có đề tài nghiên cứu khoa học, nộp bản sao Quyết định hoặc Hợp đồng giao thực hiện đề tài nghiên cứu, biên bản nghiệm thu đề tài và bản tóm tắt nội dung nghiên cứu (khoảng 10 trang);

- Ít nhất 01 thư giới thiệu đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển do nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

- Lý lịch khoa học của người hướng dẫn dự kiến;
- Văn bản chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo đối với các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở nước ngoài cấp;
- 01 bản gốc và 07 bản sao bài luận về dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập toàn khóa của ứng viên (theo mẫu);
- Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp pháp minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Các giấy tờ xác nhận thâm niên nghề nghiệp (nếu có);
- 01 bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do bệnh viện đa khoa cấp;
- 03 phong bì đã dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ của ứng viên;
- 02 ảnh 3 x 4 ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm sinh của ứng viên sau ảnh.

## **2. Phát hành và tiếp nhận hồ sơ:**

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh do Học viện Khoa học xã hội phát hành.

- *Thời gian phát hành hồ sơ:* từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026 (hồ sơ đăng trên cổng tin điện tử của Học viện qua địa chỉ: <http://www.gass.edu.vn>).

- *Thời gian tiếp nhận hồ sơ:* từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 10 tháng 8 năm 2026. Hồ sơ dự thi đã nộp không hoàn trả.

- *Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ:*

+ Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024 35528560; 024 35527738; hotline: 0983895096 (Bà Bùi Thị Nga) hoặc 0903 200037 (ông Nguyễn Nghiêm Hoàng).

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, số 270 đường Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại liên hệ: 0903886561 (Bà Trần Thị Thu Hà); 0907012082 (Bà Phạm Thái Linh Ngọc).

## **VI. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN TUYỂN SINH**

### **1. Địa điểm:**

- Địa điểm tuyển sinh nghiên cứu sinh được tổ chức tại Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

### **2. Thời gian:**

- Thời gian xét tuyển nghiên cứu sinh: dự kiến các ngày 21, 22 tháng 8 năm 2026.  
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến từ ngày 03 tháng 9 năm 2026 đến ngày 10 tháng 9 năm 2026.

- Thời gian nhập học: dự kiến từ ngày 20 tháng 10 năm 2026 đến ngày 30 tháng 10 năm 2026.

## **VII. KINH PHÍ TUYỂN SINH, HỌC PHÍ**

**1. Lệ phí đăng ký dự tuyển:** 60.000 đồng/hồ sơ

**2. Lệ phí xét tuyển:** 200.000 đồng/ứng viên/hồ sơ

**3. Học phí năm học 2026 - 2027 được xác định như sau:**

- Đối với ngành: Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế; Luật kinh tế:  $4.475.000đ \times 10 \text{ tháng} = 44.750.000đ/\text{năm học}$

- Đối với các ngành khác:  $4.750.000đ \times 10 \text{ tháng} = 47.750.000đ/\text{năm học}$ .

Tiền tài liệu sẽ được thu vào thời điểm nghiên cứu sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học.

Học phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; mức tăng học phí từng năm không quá 10% so với năm học trước liền kề và sẽ có điều chỉnh khi có văn bản quy phạm pháp luật mới về thu học phí.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh được đăng tải và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Học viện Khoa học xã hội tại địa chỉ: <http://www.gass.edu.vn>

### **Lưu ý:**

- Người dự tuyển có thể tham khảo Danh mục hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh tại các Khoa có ngành tuyển sinh.

- Đề tài nghiên cứu và người hướng dẫn được đề xuất phải thuộc danh mục hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh của Học viện Khoa học xã hội. Người dự tuyển có thể liên hệ trực tiếp với các Khoa có ngành tuyển sinh tại Học viện để được hướng dẫn cụ thể.

- Trường hợp người dự tuyển đề xuất người hướng dẫn khoa học ngoài Học viện, hồ sơ phải kèm theo Lý lịch khoa học của người được đề xuất hướng dẫn và Thư giới thiệu ứng viên dự tuyển, trong đó nêu rõ số lượng nghiên cứu sinh đã hướng dẫn và có xác nhận đồng ý nhận hướng dẫn cuối thư.

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải gửi hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng đến Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chỉ được nộp hồ sơ dự tuyển khi đã có văn bản công nhận hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương,
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo,
- Các Sở Nội vụ, Trường Chính trị của tỉnh và thành phố trực thuộc TW,
- Các cơ quan tư pháp ở các địa phương,
- Các Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng,
- Các Trường đào tạo, bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội,
- Đảng ủy Học viện KHXH,
- Lưu VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Huy Hoàng**